TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 09/2018/HNGĐ- ST
Ngày 05 - 6 - 2018
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Dũng
2. Ông Phạm Văn Mạc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị P, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn 07, xã Cư Mlan, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đàm Xuân T, sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn 07, xã Cư Mlan, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Thị P trình bày: Bà chung sống với ông Đàm Xuân T từ năm 1993 là do hai bên hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, mặc dù hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã khuyên bảo nhưng không thành. Nay bà P xét thấy không thể chung sống với ông T được nữa, nếu kéo dài cuộc sống gia đình cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau vì vậy bà P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Đàm Xuân T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống có 04 con chung là cháu Đàm Ngọc T, sinh ngày 15/7/1996, cháu Đàm Thúy O, sinh ngày 09/02/1997, cháu Đàm Văn L, sinh ngày 22/10/1999 và cháu Đàm Thị Q, sinh ngày 02/4/2002. Khi Tòa án không công nhận bà và

ông T là vợ chồng bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thị Q cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và yêu cầu ông Đàm Xuân T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Hiện nay các cháu T, O và L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về T sản chung và công nợ: Bà Lý Thị P và ông Đàm Xuân T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Đàm Xuân T trình bày: Ông và bà Lý Thị P chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù cả hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm không còn và bà P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà P là vợ chồng ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà P có 04 con chung là cháu Đàm Ngọc T, sinh ngày 15/7/1996, cháu Đàm Thúy O, sinh ngày 09/02/1997, cháu Đàm Văn L, sinh ngày 22/10/1999 và cháu Đàm Thị Q, sinh ngày 02/4/2002. Khi Tòa án không công nhận ông và bà P là vợ chồng thì ông đồng ý để cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thị Q cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và ông sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Hiện nay các cháu T, O và L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về T sản chung và công nợ: Ông và bà P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã C, huyện E nơi bà P và ông T cư trú xác nhận bà P và ông T chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến nay tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là đúng sự thật

Tại phần tranh luận: Nguyên đơn bà Lý Thị P không có tranh luận gì và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 22/2018/TLST - HNGĐ ngày 01/3/2018. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn; bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, T liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Đàm Xuân T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là ông Đàm Xuân T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị P và ông Đàm Xuân T đều xác định ông bà chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do hai người không có đăng ký kết hôn nay lại có yêu cầu ly hôn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Lý Thị P và ông Đàm Xuân T.

[3] Về con chung: Bà Lý Thị P và ông Đàm Xuân T tự nguyện thỏa thuận giao cháu Đàm Thị Q, sinh ngày 02/4/2002 cho bà Lý Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông Đàm Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi Hội đồng xét xử nhận thấy thoả thuận trên là phù hợp với nguyện vọng của cháu Q nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các cháu Đàm Ngọc T, Đàm Thúy O và Đàm Văn L hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

[4] Về T sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm , trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung và cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận đó vì vậy bị đơn là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung phải chịu án phí cấp dưỡng là 50% (150.000đ) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị P.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị P và ông Đàm Xuân T.

- *Về nuôi con chun và cấp dưỡng*: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lý Thị P và ông Đàm Xuân T giao cháu Đàm Thị Q, sinh ngày 02/4/2002 cho bà Lý Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông Đàm Xuân T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu L pháp luật. Các cháu Đàm Ngọc T, Đàm Thúy O và Đàm Văn L hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

- *Về T sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí:* Bà Lý Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0004359 ngày 28 tháng 02 năm 2018. Bị đơn ông Đàm Xuân T phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS huyện E;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Thông